

Đánh giá công tác quản lý tài chính theo hướng tự chủ tài chính tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Hoàng Thị Kim Ngân*, Nguyễn Đình Chiến**

*CN. Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

**TS. Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Received: 10/02/2023; Accepted: 16/02/2023; Published: 24/02/2023

Abstract: In recent years, the financial management of the University of Science, Hue University has made many positive changes to better suit the development process, as well as move towards financial autonomy. Financial management includes budget management and expense management. In financial management, it is necessary to apply management functions including: planning, organizing and monitoring in a direction consistent with the university's goals, vision and mission. The article evaluates the financial management at the University of Science, Hue University through a survey of staff and lecturers working at the university. On that basis, the article proposes some solutions to improve financial management at the school in the near future.

Keywords: Financial management, financial autonomy, University of Sciences, Hue University

1. Đặt vấn đề

Tự chủ tài chính (TCTC) có vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động của các trường đại học công lập; mở ra cơ hội cho các trường nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quản lý tài chính (QLTC) và tài sản của đơn vị, sử dụng kinh phí Ngân sách nhà nước giao tiết kiệm, hiệu quả hơn. Ở Việt Nam, Chính phủ đã ban hành các Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 Quy định cơ chế TCTC của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Trong những năm gần đây, công tác QLTC tại của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã có nhiều chuyển biến tích cực để phù hợp hơn với quá trình phát triển, cũng như tiến tới tự chủ đại học. Tuy nhiên, việc QLTC của nhà trường đang đối mặt với nhiều thách thức như: (i) Công tác tuyển sinh ngày càng gặp khó khăn vì phải cạnh tranh với nhiều trường trong khu vực, số lượng học viên và sinh viên giảm đáng kể trong những năm qua khiến nguồn thu của trường bị ảnh hưởng; (ii) Lộ trình nâng cao tính TCTC theo tinh thần Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ đặt ra yêu cầu phải tăng cường khai thác các nguồn thu ngoài Ngân sách nhà nước trong khi mức trần học phí theo quy định tại Nghị

định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ được đánh giá là còn thấp; (iii) Là đơn vị trực thuộc của Đại học Huế nên công tác QLTC vẫn còn chịu sự ràng buộc của cấp trên, tính tự chủ vẫn còn ít nhiều bị hạn chế.

Tuy nhiên, về cơ hội, nhu cầu học tập đối với các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học trong cuộc sống hiện đại không ngừng gia tăng. Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế là một trong 3 trung tâm đào tạo khoa học lớn trong cả nước, đội ngũ cán bộ giảng viên (GV) có trình độ chuyên môn cao, có thể mạnh về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học. Nếu tổ chức tốt công tác quản lý nói chung, trong đó có QLTC theo tinh thần cơ chế tự chủ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế có thể vượt qua khó khăn, thách thức và phát huy những thế mạnh của mình để phát triển. Để hoàn thiện công tác QLTC của trường theo hướng TCTC, việc khảo sát đánh giá ý kiến của cán bộ, GV về công tác QLTC là rất cần thiết để từ đó có những góp ý thiết thực cho nhà trường nhằm hoàn thiện công tác QLTC tại trường trong thời gian tới, hướng tới TCTC.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Công tác QLTC trong các cơ sở giáo dục đại học công lập bao gồm quản lý nguồn kinh phí và quản lý các khoản chi. Trong QLTC cần áp dụng các chức năng quản lý bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức và giám

sát theo hướng phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mệnh của trường đại học. Trong những năm gần đây, QLTC của các trường đại học công lập đã có nhiều chuyển biến tích cực để phù hợp hơn với quá trình phát triển, cũng như tiến tới tự chủ đại học. TCTC là một trong những khía cạnh của tự chủ đại học. Khi bàn về TC ở trường đại học, các nghiên cứu của nhiều học giả như Jongbloed và cộng sự (2000), Rothblatt (2002) và Ordorica (2003) đều cho rằng: Vấn đề TCTC ở trường đại học thể hiện ở nhiều phương diện (khả năng độc lập trong việc ra quyết định vay tiền trong thị trường TC, quyết định cách thức tạo ra nguồn thu thông qua học phí, các hoạt động giảng dạy và hợp đồng nghiên cứu cùng với các hoạt động khác tạo ra nguồn thu, có quyền tự do phân bổ nguồn lực TC, chính sách lương thưởng và được giữ lại lợi nhuận nếu có).

Nghiên cứu này tập trung đánh giá về công tác QLTC theo hướng TCTC tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Thông tin thu được từ phỏng vấn (bảng hỏi điều tra) các cán bộ, GV làm việc tại trường. Kích cỡ mẫu điều tra: Theo thống kê tại thời điểm khảo sát, tổng số cán bộ, GV của trường là 390 người. Do điều kiện về TC và thời gian có hạn, nhóm tác giả không thể điều tra hết được toàn bộ, do vậy nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu. Để đảm bảo tính đại diện của mẫu, tác giả đã áp dụng công thức Slovin (1960) để tính toán số mẫu cần thiết, cụ thể như sau: $n = N/(1+N.e^2)$. Trong đó: N: số quan sát tổng thể, e: sai số cho phép. Nghiên cứu sử dụng sai số 5%; đây là mức phổ biến nhất trong nghiên cứu hiện nay. Saunders et al. (2010) cho rằng, các nhà nghiên cứu thường tìm kiếm mức chắc chắn 95%, biên sai số 5%. Như vậy, tác giả sẽ điều tra 197 cán bộ, GV trong trường theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Thời gian khảo sát từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2022.

Dựa trên kết quả tính tần suất và so sánh với một trong những thông số thông dụng là Mean - trung bình cộng. Bảng khảo sát các nhân tố trong nghiên cứu dùng thang đo Likert 5 lựa chọn.

2.2. Kết quả và thảo luận

Mẫu nghiên cứu được thu thập từ 197 cán bộ, GV đang làm việc tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế với phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Mẫu được phân bố với nam chiếm 61,9% mẫu và nữ chiếm 31,8%. Nhóm tuổi từ 31-40 tuổi chiếm 33,5%, từ 41-50 tuổi (31,5%), trên 50 tuổi chiếm 25,4% và còn lại dưới 20-30 tuổi (9,6%). Nhóm sau đại học chiếm tỷ trọng lớn nhất (79,7%) và nhóm có trình

độ đại học chiếm 15,2% và nhóm Trung cấp/Cao đẳng chiếm tỷ lệ nhỏ nhất (5,1%). Nhóm đối tượng đang công tác trong khoảng thời gian từ 11-20 năm chiếm 40,1 %, nhóm đối tượng có thời gian công tác trên 20 năm chiếm 35,5%, từ 5-10 năm chiếm 16,8%, nhóm đối tượng dưới 5 năm chiếm 7,6% mẫu khảo sát. Nhóm đối tượng GV chiếm tỷ lệ cao nhất trong mẫu khảo sát với tỷ lệ 51,3%, nhóm cán bộ quản lý 27,4%, nhóm cán bộ hành chính 18,8% và nhóm kế toán 2,5%. Nhìn chung, mẫu khảo sát này khá tương ứng với cơ cấu đội ngũ cán bộ công nhân viên ở trường. Kết quả đánh giá thực trạng QLTC tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế qua số liệu điều tra như sau:

2.2.1. Về tổ chức bộ máy QLTC: Tiêu chí “Tính phù hợp của bộ máy QLTC của nhà trường” được các đối tượng khảo sát đánh giá ở mức trung bình 3,92 tức là ở mức đồng ý. Tiêu chí “Tổ chức bộ máy QLTC của Trường Đại học Khoa học hiện nay hoạt động có hiệu quả” cũng có giá trị trung bình 3,72 thấp hơn tiêu chí trên nhưng vẫn ở mức đồng ý. Như vậy, đa số đối tượng khảo sát đều đồng ý với các nhận định về tính phù hợp và hoạt động có hiệu quả của tổ chức bộ máy QLTC của nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều ý kiến trung lập và có ý kiến không đồng ý với nhận định trên, nhà trường cần xem xét để có thể cải thiện tổ chức bộ máy QLTC, nhất là đảm bảo tổ chức bộ máy QLTC hoạt động có hiệu quả nhằm đáp ứng tốt hơn công tác QLTC của nhà trường.

2.2.2. Về công tác quản lý và sử dụng nguồn thu: Kết quả thống kê cho thấy, các tiêu chí “Nguồn thu của Trường Đại học Khoa học là đa dạng”, “Công tác quản lý thu được tiến hành nghiêm túc, minh bạch”, “Kế hoạch kiểm tra công tác dự toán thu được tiến hành định kỳ và công bố thông tin rộng rãi”, có mức đánh giá trung bình lần lượt là 4,06; 3,79; 3,58 và 3,48 đều ở mức đồng ý. Trong đó, tiêu chí “Công tác thực hiện thu được phân tích, đánh giá đầy đủ và thông tin cụ thể tới tất cả các cán bộ, GV” có mức đánh giá trung bình thấp nhất, nhà trường cần có biện pháp để cải thiện tiêu chí này.

Hai tiêu chí “Nên phát triển các chương trình liên kết, chương trình chất lượng cao để tăng nguồn thu” và “Nên phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn để tăng nguồn thu” có mức đánh giá trung bình lần lượt là 4,39 và 4,42 đều ở mức rất đồng ý. Chính vì vậy, nhà trường cần xem xét để tăng cường các chương trình liên kết, có kế hoạch mở các lớp chất lượng cao với mức học phí cao hơn; đồng thời mở các chương trình đào tạo ngắn hạn như các khóa về

tin học, ngoại ngữ ... để tăng cường nguồn thu cho nhà trường nhằm hướng đến TCTC.

2.2.3. Về công tác quản lý và sử dụng các khoản chi: Kết quả thống kê cho thấy, tiêu chí “Cơ cấu chi giữa 4 nhóm chi (chi thanh toán cá nhân; chi chuyên môn nghiệp vụ; chi mua sắm, sửa chữa; chi khác) hiện nay là hợp lý” có mức đánh giá trung bình thấp nhất 3,42. Tiêu chí “Nhà trường có đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ, hướng dẫn thực hiện chi một cách đầy đủ” có mức đánh giá trung bình cao nhất 4,24 tức là ở mức hoàn toàn đồng ý. Các tiêu chí còn lại về công tác quản lý và sử dụng các khoản chi của nhà trường đều có mức đánh giá trung bình nằm trong khoảng từ 3,41-4,20 nên đều ở mức đồng ý. Tuy nhiên, giá trị trung bình của các tiêu chí này đều nhỏ hơn 4, do đó, nhà trường cần chú trọng để cải thiện các tiêu chí này.

2.2.4. Về công tác lập dự toán hàng năm: Các tiêu chí đánh giá về công tác lập dự toán hàng năm của nhà trường đều có mức đánh giá trung bình nằm trong khoảng từ 3,41-4,20 nên đều ở mức đồng ý. Trong đó, tiêu chí “Dự toán đã tham khảo đầy đủ kế hoạch hoạt động của các đơn vị nhà trường và cán bộ, GV” có mức đánh giá trung bình thấp nhất; do đó, nhà trường cần tham khảo đầy đủ kế hoạch hoạt động của các đơn vị nhà trường và cán bộ, GV khi lập dự toán.

2.2.5. Về công tác lập báo cáo, kế toán, quyết toán: Các tiêu chí đánh giá về công tác lập báo cáo, kế toán, quyết toán của nhà trường đều có mức đánh giá trung bình nằm trong khoảng từ 3,41-4,20 nên đều ở mức đồng ý. Trong đó, tiêu chí “Kết quả công tác kế toán, quyết toán được thông báo đầy đủ, rộng rãi tới các cán bộ, công nhân viên” có mức đánh giá trung bình thấp nhất với giá trị trung bình 3,59. Vì vậy, nhà trường cần thông báo đầy đủ, rộng rãi tới các cán bộ, công nhân viên về kết quả công tác kế toán, quyết toán nhằm nâng cao sự hài lòng của cán bộ, GV.

2.2.6. Về công tác thanh tra, kiểm tra: Các tiêu chí đánh giá về công tác thanh tra, kiểm tra của nhà trường đều có mức đánh giá trung bình nằm trong khoảng từ 3,41-4,20 nên đều ở mức đồng ý. Trong đó, tiêu chí “Công tác thanh tra, kiểm tra được đánh giá là hiệu quả, có nhiều ý nghĩa” có mức đánh giá trung bình thấp nhất với giá trị trung bình 3,57, nhà trường cần có các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra trong QLTC của trường.

2.2.7. Về các nội dung khác của công tác QLTC: Các tiêu chí đánh giá về các nội dung khác của công tác

QLTC của nhà trường đều có mức đánh giá trung bình nằm trong khoảng từ 3,41-4,20 nên đều ở mức đồng ý. Trong đó, tiêu chí “Nhà trường đã làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác TC” có mức đánh giá trung bình thấp nhất với giá trị trung bình 3,68; nhà trường cần chú trọng đầu tư, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác TC.

3. Kết luận

Theo kết quả điều tra khảo sát, để công tác QLTC theo hướng TCTC tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế được hoàn thiện hơn, trước hết nhà trường cần phải hoàn thiện tổ chức bộ máy QLTC; đẩy mạnh phân công, phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; quy định rõ ràng thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu trong điều hành và QLTC. Bên cạnh đó, nhà trường cần tăng cường công tác khai thác nguồn thu; phòng Kế hoạch, TC cần phải làm tốt công tác lập dự toán các nguồn thu đảm bảo phù hợp và sát với thực tế. Nhà trường cũng cần hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ, cải tiến quá trình thanh toán và hoàn thiện quá trình quản lý chi; tăng cường công tác quản lý tài sản, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm cán bộ làm công tác TC kế toán; tăng cường hạch toán kế toán, kiểm tra, thanh tra đi đôi với công khai TC; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác QLTC. Bài nghiên cứu này giúp nhà trường thu thập được ý kiến đánh giá khách quan của cán bộ, GV về công tác QLTC của trường; đồng thời thông qua khảo sát cũng góp phần nâng cao nhận thức về nội dung và nhiệm vụ của công tác QLTC cho cán bộ công nhân viên và GV trong trường.

Tài liệu tham khảo

1. Ben Jongbloed (2000), *The funding of higher education in developing countries*, Management and Policy in Higher Education, 32, 13-42;
2. Bùi Quang Hùng và cộng sự (2021), *Hiệu quả QLTC tại các trường đại học công lập theo hướng tự chủ*, Tạp chí Tài chính kỳ 2 tháng 4/2021
3. Chính phủ (2021), *Nghị định 60/2021/NĐ-CP, Nghị định 81/2021/NĐ-CP*, Hà Nội.
4. Vũ Xuân Dũng (2021), *QLTC tại các trường đại học công lập thực hiện tự chủ: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Công thương, Số 3, tháng 2 năm 2021
5. Hoàng Thị Cẩm Thương (2017), *Giải pháp tăng cường tự chủ đại học ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 4 năm 2017